TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN LẠC** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2019/HNGĐ - ST
Ngày 21 tháng 3 năm 2019
V/v tranh chấp Hôn nhân gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN LẠC, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Công Sinh
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phan Đức Hạnh
2. Bà Nguyễn Thị Thúy Hà.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Văn Duẩn - Thư ký Toà án nhân dân huyện Yên Lạc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc tham gia phiên toà: Bà Đỗ Thịnh Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 229/2018/TLST - HNGĐ ngày 26 tháng 9 năm 2018 về việc tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2019/QĐXX - ST ngày 06 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị S, sinh năm 1972 (có mặt).

Nơi cư trú: Thôn D, xã Đ, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Phúc Đ, sinh năm 1970 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Thôn D, xã Đ, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

Hiện nay đang chấp hành án tại trại giam Q - Tổng cục VIII- Bộ Công an.

Địa chỉ: Xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/9/2018, những lời khai tiếp theo và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phạm Thị S trình bày:

Bà kết hôn với ông Nguyễn Phúc Đ ngày 20 tháng 10 năm 1996 (ngày âm lịch, không nhớ ngày dương lịch). Có được tìm hiểu, tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc. Do lâu ngày nên bà không

còn giữ được giấy chứng nhận kết hôn. Uỷ ban nhân dân xã Đ cũng không giữ được sổ lưu từ năm 1999 trở về trước nên không cấp cho bà bản sao được. Sau ngày cưới bà về làm dâu và chung ở cùng gia đình ông Đ khoảng một năm thì gia đình cho vợ chồng làm ăn riêng tại nhà và đất của gia đình nhà chồng. Tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận hạnh phúc, sau phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông Đ là người không chịu khó làm ăn, không chăm lo cuộc sống gia đình thường xuyên vắng nhà, chơi bời cờ bạc, trộm cắp. Cưới nhau được khoảng một năm thì ông Đ phải đi chấp hành án thời hạn 09 tháng tù. Sau khi ông Đ chấp hành án xong về địa phương vợ chồng cũng chỉ hòa thuận thời gian ngắn, ông Đ thường xuyên vắng nhà. Năm 2001 ông Đ lại vi phạm pháp luật phải đi chấp hành án 18 tháng tù tại trại giam tỉnh Tuyên Quang. Cuối năm 2002 ông Đ ra trại nhưng vợ chồng cũng rất ít khi chung sống cùng nhau vì ông Đ thường xuyên vắng nhà. Năm 2007 ông Đ lại tiếp tục phạm tội phải chấp hành hình phạt tù chung thân về tội giết người. Hiện nay ông Đ đang chấp hành án tại phân trại 3 của trại giam Q, tỉnh Tuyên Quang. Trước kia bà và các con vẫn thường xuyên đi thăm ông Đ tại trại giam nhưng khoảng 5 năm trở lại đây bố mẹ ông Đ không đưa sổ thăm gặp phạm nhân cho bà nên không đi thăm ông Đ được. Do quá thất vọng về chồng, không còn hy vọng gì về tương lai nữa, bà thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn ông Nguyễn Phúc Đ.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn T, sinh ngày 27/11/1997 và Nguyễn Thị B, sinh ngày 24/12/2003 hiện nay hai cháu đang ở cùng bà. Có sự ly hôn bà S xin tiếp tục nuôi cháu Nguyễn Thị B cho đến khi cháu thành niên, còn cháu Nguyễn T đã trưởng thành lao động tự túc được ở với ai là quyền của cháu.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức lao động: Bà S không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Phúc Đ vắng mặt: Tại biên bản lấy lời khai ngày 25/02/2019, ông Đ trình bày: Về thời gian kết hôn, quá trình vợ chồng chung sống như bà S trình bày là đúng. Hiện nay ông đang phải chấp hành bản án về tội giết người, án phạt tù chung thân, chưa được giảm án nên chưa biết ngày nào chấp hành xong. Bà S đề nghị giải quyết ly hôn ông hoàn toàn nhất trí.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung như bà S trình bày là đúng. Nếu có sự ly hôn ông không có ý kiến gì.

Về tài sản chung, tài sản tiêng, công nợ: Không có, ông Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc phát biểu quan điểm về tố tụng: Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân và Thư ký phiên tòa tuân theo đúng quy định của pháp luật. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà S và đề nghị giao cho bà S tiếp tục nuôi cháu Nguyễn Thị B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bà Phạm Thị S khởi kiện yêu cầu xin ly hôn đối với ông Nguyễn Phúc Đ các đương sự đều có địa chỉ tại Thôn D, xã Đ, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc. Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Phúc Đ đang chấp hành bản án tại trại giam nên không thể tham gia phiên tòa được và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, vì vậy căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[3] Về nội dung vụ án: Cuộc hôn nhân giữa bà S và ông Đ là tự nguyện, sau khi kết hôn bà S về làm dâu và chung sống tại gia đình ông Đ từ năm 1996 đến nay, Uỷ ban nhân dân xã Đ xác nhận có đăng ký kết hôn, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp, tiến bộ.

Về tình cảm: Sau kết hôn bà S và ông Đ chỉ có thời gian ngắn hòa thuận hạnh phúc. Quá trình chung sống từ khi kết hôn đến năm 2007 ông Đ đã hai lần phải đi chấp hành án phạt tù. Từ năm 2010 đến nay ông Đ lại tiếp tục phải chấp hành bản án tù chung thân. Xét thấy vợ chồng đã nhiều năm không chung sống cùng nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, bà S xin ly hôn ông Đ cũng nhất trí, vì vậy cần áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà S.

Về con chung: Xét yêu cầu xin nuôi con của bà S, Hội đồng xét xử thấy rằng ông Đ hiện nay đang phải chấp hành bản án tù chung thân, bà S nuôi hai con từ nhỏ đến nay. Vì vậy cần giao cho bà S tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi

dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Thị B, sinh ngày 24/12/2003 cho đến khi thành niên. Bà S không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với cháu Nguyễn T, sinh ngày 27/11/1997 đã trưởng thành lao động tự túc được các đương sự không đề nghị gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức lao động: Bà S, ông Đ không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Bà Phạm Thị S phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho bà Phạm Thị S được ly hôn ông Nguyễn Phúc Đ.

2.Về con chung: Giao cho bà Phạm Thị S được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Thị B, sinh ngày 24/12/2003 cho đến khi thành niên. Bà S không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con chung. Ông Đ có quyền thăm nom con không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức lao động: Bà S, ông Đ không đề nghị Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Bà Phạm Thị S phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đồng theo biên lai thu số AA/2017/0000523 ngày 26/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Lạc. Bà S đã nộp đủ tiền án phí.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bà S có mặt có quyền kháng cáo bản án. Ông Đ vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Lạc;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã Đ (để vào sổ hộ tịch)
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Công Sinh